

Bản án số: 01/2022/DS-ST.

Ngày: 11 - 3 - 2022.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân, bà Tổng Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Minh Th – sinh năm 1951.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Minh Th trình bày:

Ngày 01/4/2019, bà Th cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày, trong giấy vay không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng với nhau là 2.000 đồng/ triệu/ngày. Khi đưa tiền cho ông T vay bà Th đã cắt luôn tiền lãi trong thời hạn thỏa thuận cho vay. Đến ngày 12/7/2019, bà tiếp tục cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 10 ngày, trong giấy vay ghi lãi suất là 2000đ/1.000.000 đồng/ 01 ngày.

Khi đưa tiền cho ông T vay bà Th đã cắt luôn tiền lãi trong thời hạn thỏa thuận cho vay.

Quá hạn trả 02 khoản nợ trên, bà Th đã nhiều lần yêu cầu ông T phải trả khoản tiền nợ đã vay, nhưng ông T cứ khất lần không chịu trả. Vì ông Nguyễn Văn T không có thiện chí trả nợ nên bà Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền nợ gốc đã vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 1,6%/tháng. Khoản vay 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày 02/5/2019, khoản vay 20.000.000 đồng tính lãi từ ngày 23/7/2019 cho đến khi trả nợ xong.

Trong giấy vay tiền đề ngày 12/7/2019 có in sẵn tên con dâu và con gái của bà Th là Lê Thị T và Võ Thị H nhưng khoản vay này thực tế chỉ có một mình bà Th cho ông T vay bằng tiền riêng của bà Th, không liên quan gì đến chị T và chị H.

Tại bản tự khai ngày 02/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 01/4/2019, ông T có vay của bà Hoàng Thị Minh Th số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 30 ngày. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng khi vay có thỏa thuận bằng lời nói với nhau lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày. Khi giao tiền bà Th đã cắt lãi luôn 4.500.000 đồng. Thực nhận tiền mặt lúc vay là 25.500.000 đồng. Nhưng vì ông T gặp khó khăn về kinh tế nên đến hạn trả nợ ông T chưa trả được nên khất bà Th cho ông T nợ thêm tiền gốc một thời gian nhưng ông T vẫn trả lãi đầy đủ. Ngày 12/7/2019, ông T có vay thêm 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trong giấy vay tiền bà Th in sẵn có tên chị Võ Thị H, chị Lê Thị T nhưng thực tế ông T chỉ vay một mình bà Th không liên quan đến chị H và chị T. Thời hạn vay số tiền này là 10 ngày. Trong giấy vay tiền có in sẵn lãi suất là 2.000đ/triệu/ngày, nhưng thực tế bà Th cho ông T vay với lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày. Khi vay bà Th cũng cắt lãi luôn 3.000.000đ/triệu/ngày lúc đó bà Th đã trừ 600.000 đồng tiền lãi nên ông T thực nhận chỉ còn 19.400.000 đồng, đến hạn ông T cũng không trả được tiền nợ gốc nên lại xin khất bà Th cho ông T nợ thêm một thời gian.

Tổng số tiền ông T vay của bà Th là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Đến ngày 02/10/2019 tại nhà ông T, bà Th đến đòi nợ vợ ông T đã trả cho bà Th 20.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc. Đến ngày 28/12/2019 (âm lịch) tức ngày 28 tết tại phòng làm việc của cơ quan ông T là Đội thuế thị trấn V bà Th đến đòi nợ, ông T đã trả cho bà 10.000.000 đồng, số tiền này cũng được trừ vào tiền nợ gốc. Quá trình trả một phần tiền gốc và tiền lãi giữa ông T và bà Th không viết giấy tờ gì cho nhau. Nay, ông T khẳng định ông T chỉ còn nợ bà Th số tiền nợ gốc là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) và bà Th đã đồng ý không tính lãi đối với ông T nữa. Bà Th có gọi điện để đòi nợ ông T hai lần một lần trong năm 2020 và 01 lần

trong năm 2021 nhưng vì chưa có tiền để trả nợ cho bà Th nên ông T đều xin khát nợ.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 1,6%/tháng. Khoản vay 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày 02/5/2019, khoản vay 20.000.000 đồng tính lãi từ ngày 23/7/2019 ông T không đồng ý. Vì, thực tế ông T chỉ còn nợ bà Th 20.000.000 đồng tiền gốc. Ông T sẽ có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền nợ này và số tiền lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc ông T còn nợ lại là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay ông T rất khó khăn về kinh tế, nên ông T xin bà Th cho ông được trả dần số tiền gốc còn nợ lại là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật trong thời hạn 04 tháng.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị Minh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc đã vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 1,6%/tháng. Khoản vay 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày 02/5/2019, khoản vay 20.000.000 đồng tính lãi từ ngày 23/7/2019 cho đến khi trả nợ xong. Ông T chỉ chấp nhận trả lãi cho bà Th theo quy định của pháp luật và đề nghị trừ đi số tiền lãi mà ông đã trả cho bà Th vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Nguyễn Văn T có vay của bà Hoàng Thị Minh Th số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Quá hạn trả nợ ông T không trả nên bà Th khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T phải trả số tiền nợ gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T cư trú tại: khu 2, thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong giấy vay tiền đề ngày 12/7/2019 có in sẵn tên chị Võ Thị H và chị Lê Thị T (là con gái và con dâu của bà Th), nhưng bà Th và ông T đều khẳng định khoản vay này ông T chỉ vay riêng của một mình bà Th, không liên đến chị T và chị H. Vì vậy, không đưa chị T và chị H vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th và ông T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện ông Nguyễn Văn T có vay của bà Hoàng Thị Minh Th tổng số tiền là 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Cụ thể: Ngày 01/4/2019 vay 30.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày; Ngày 12/7/2019 vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Ông T cũng thừa nhận đã vay bà Th số tiền trên là đúng thực tế. Nhưng vì khó khăn nên đến hạn ông T không trả được tiền gốc mà xin bà Th cho tiếp tục nợ lại tiền gốc nhưng vẫn trả lãi đều hàng tháng cho bà Th. Đến ngày 02/10/2019 tại nhà ông T, bà Th đến đòi nợ vợ ông T đã trả cho bà Th 20.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc, ngày 28/12/2019 (âm lịch) tức ngày 28 tết tại phòng làm việc của cơ quan ông T là Đội thuế thị trấn V bà Th đến đòi nợ, ông T đã trả cho bà 10.000.000 đồng, số tiền này cũng được trừ vào tiền nợ gốc nên ông T chỉ còn nợ bà Th 20.000.000 đồng và bà Th cũng đồng ý không tính lãi đối với khoản tiền còn nợ lại của ông T nữa. Những lần trả gốc và lãi cho bà Th ông T và bà Th không viết giấy biên nhận với nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Th khẳng định từ ngày cho ông T vay tiền đến nay ông T chưa trả cho bà được đồng tiền gốc cũng như đồng tiền lãi nào ngoài số tiền lãi bà Th đã cắt luôn tại thời điểm cho vay tương ứng với thời hạn thỏa thuận cho vay. Những lần bà Th đòi nợ thì ông T luôn khất lần cố tình không trả cho bà Th. Ông T khẳng định đã trả cho bà Th hai lần tiền gốc với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, bà Th không thừa nhận ông T đã trả tiền cho bà, ông T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận ông Nguyễn Văn T đã trả cho bà Hoàng Thị Minh Th tổng số tiền gốc là 30.000.000 đồng. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Do ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết, nên bà Th yêu cầu ông T phải trả cho bà Th số tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Hoàng Thị Minh Th số tiền nợ gốc đã vay là 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, bà Th đã cắt luôn tiền lãi tại thời điểm cho vay tương ứng với thời hạn thỏa thuận cho vay vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay nên số tiền vượt quá lãi suất giới hạn sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tính từ ngày hết thời hạn vay.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà Th và ông T trong giấy vay nợ đề ngày 01/4/2019 không thể hiện lãi suất, nhưng cả bà Th và ông T đều khẳng định hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói với nhau và bà Th đã cắt luôn tiền lãi tại thời điểm cho vay tương ứng với thời hạn thỏa thuận cho vay. Tuy nhiên bà Th và ông T không thống nhất với nhau về mức lãi suất, bà Th khẳng định cho ông T vay với lãi suất là 2.000đ/ triệu/ngày nhưng ông T cho rằng bà Th cho ông vay với lãi

suất 5.000đ/triệu/ngày. Như vậy, có sự tranh chấp về lãi suất tuy nhiên bà Th và ông T đều công nhận lãi suất bà Th cho ông T vay vượt quá 20%/năm. Ông T khẳng định vẫn trả lãi đều cho bà Th đến hết tháng 12 năm 2019 (âm lịch) nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, bà Th chỉ công nhận ông T mới trả lãi đến hết thời hạn mà hai bên thỏa thuận cho vay. Vì vậy, bà Th yêu cầu tính lãi từ ngày 02/5/2019 là có cơ sở để chấp nhận. Ông T chỉ chấp nhận trả lãi cho bà Th theo quy định của pháp luật và đề nghị trừ đi số tiền lãi mà ông đã trả cho bà Th vượt quá lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay, ông T khẳng định bà Th cho ông vay với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày nhưng không có chứng cứ để chứng minh, bà Th chỉ công nhận cho ông T vay 2.000đ/triệu/ngày. Vì vậy, chấp nhận số tiền bà Th đã cắt lãi của khoản vay này là: $30.000.000đ \times 2.000đ/triệu/ngày \times 30 \text{ ngày} = 1.800.000đ$ đồng. Số tiền lãi trong hạn ông T phải trả cho bà Th là: $30.000.000đ \times 20\%/năm \times 30 \text{ ngày} = 498.000đ$ đồng. Số tiền ông T trả lãi cho bà Th vượt quá là: $1.800.000đ - 498.000đ = 1.302.000đ$ đồng. Số tiền vượt quá lãi suất giới hạn sẽ được trừ vào khoản tiền nợ gốc: $30.000.000đ - 1.302.000đ = 28.698.000đ$ đồng. Khoản vay này có sự tranh chấp về lãi suất nên yêu cầu tính lãi của bà Th từ ngày 02/5/2019 tạm tính đến ngày xét xử chỉ được chấp nhận là 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 BLDS. Từ ngày 02/5/2019 đến ngày xét xử (11/3/2022) là: 34 tháng 09 ngày: $28.698.000đ \times 0,833\%/tháng \times 34 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 8.199.563đ$ đồng.

Đối với giao dịch 20.000.000đ ngày 12/7/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận trong giấy vay nợ là 2.000đ/triệu/ngày, thời hạn vay 10 ngày, bà Th đã cắt lãi trong thời hạn thỏa thuận cho vay: $20.000.000đ \times 2.000đ/triệu/ngày \times 10 \text{ ngày} = 400.000đ$ đồng. Số tiền lãi trong hạn ông T phải trả cho bà Th là: $20.000.000đ \times 20\%/năm \times 10 \text{ ngày} = 111.000đ$ đồng. Số tiền ông T đã trả lãi vượt quá cho bà Th là $400.000đ - 111.000đ = 289.000đ$ đồng. Số tiền vượt quá lãi suất giới hạn sẽ được trừ vào khoản tiền nợ gốc: $20.000.000đ - 289.000đ = 19.711.000đ$ đồng. Khoản vay này có sự thỏa thuận về lãi suất nên yêu cầu của bà Th tạm tính lãi từ ngày 23/7/2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận. Từ ngày 23/7/2019 đến ngày xét xử (11/3/2022) là 31 tháng 16 ngày: $19.711.000đ \times 1,6\%/tháng \times 31 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 9.944.856đ$ đồng.

Tổng số tiền nợ gốc còn lại ông T phải trả cho bà Th là: 28.698.000 đồng + 19.711.000 đồng = 48.409.000 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay ông T phải trả cho bà Th là: 8.199.563đ + 9.944.856đ = 18.144.419 đồng (làm tròn số là 18.144.400 đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi ông T phải trả cho bà Th là: 48.409.000đ + 18.144.400đ = 66.553.400 đồng (sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 66.553.400 đồng $\times 5\% = 3.327.670đ$ (làm tròn số = 3.327.700 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 117; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh Th về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Minh Th số tiền nợ gốc còn lại là 48.409.000 đồng và 18.144.400 đồng tiền lãi. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Th là: 66.553.400 đồng (sáu mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày **12/3/2022**, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp 3.327.700 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang